

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia

Ngày 30/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 376/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:20/2021/QĐXX - ST ngày 16/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Xuân Th, sinh năm 1963; có mặt

Địa chỉ: Xóm Ph, thị trấn Ch, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1965; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ1, phường G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Mai Xuân Th trình bày: Anh và chị Ngô Thị L kết hôn năm 1985 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên và tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh ở xóm Ph, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, sau đó chị L bỏ đi vào miền Nam sinh sống đến tháng 12 năm 2018 chị L về ở tổ 1, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1997 đến nay, anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ở mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 01 con chung là Mai Ngọc T, sinh ngày 28/6/1986, đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Ngô Thị L trình bày: về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung như anh Th trình bày là đúng. Về nguyên nhân anh Th đề nghị ly hôn chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Th, ghen tuông, ghi ngờ chị quan hệ với người đàn ông khác, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 1997 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Th có đơn xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn anh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Ngô Thị L.

2. *Về nội dung:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Mai Xuân Th và chị Ngô Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Th, chị L bất đồng trong suy nghĩ, cách sống, nghi ngờ, ghen tuông, dẫn đến mâu thuẫn, chị L đã bỏ nhà đi từ năm 1997, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn, chị L trong bản tự khai cũng thể hiện nhất trí ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị L đã ở mức trầm trọng, vợ chồng ly thân nhau đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 51 Điều 55 luật hôn nhân gia đình, nên chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Vợ chồng hiện tại có 01 con chung là Mai Ngọc T, sinh ngày 28/6/1986, hiện nay đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không xem xét.

[3] *Về tài sản chung vợ chồng và các khoản nợ:* Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] *Về án phí:* Anh Mai Xuân Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Mai Xuân Th với chị Ngô Thị L. Anh Mai Xuân Th được ly hôn với chị Ngô Thị L

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Ngọc T, sinh ngày 28/6/1986, hiện nay đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không xem xét. 3. Về tài sản chung vợ chồng: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004838 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THA dân sự TPTN;
- UBND xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa, TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quý sửu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA